

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 7 - 2022

*"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình".*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lập.

2. Ông Nguyễn Văn Móm Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Ngọc S**, sinh năm: 1980 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trần Thanh H** – sinh năm: 1975 (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Tân Đông, xã T.Q.T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Ngọc S trình bày:***

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị và anh H hôn nhân hình thành là do quen biết, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới chị và anh H sống tại ấp Tân Đông, xã Tân Quới Trung, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chị và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh H bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, thường hay cự cãi. Anh H nhiều lần đánh chị, đời sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau. Chị và anh H tuy còn sống chung nhà nhưng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 4 năm 2021 đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Trần H Phúc sinh ngày 09/3/2001 (đã thành niên) không yêu cầu giải quyết. Cháu Trần H Thịnh, sinh ngày 05/11/2009. Hiện nay đang sống chung với chị. Khi ly hôn cháu Thịnh có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Người còn lại có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn anh Trần Thanh H trình bày**: Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị S. Anh và chị S hôn nhân hình thành do tự tìm hiểu có tổ chức đám cưới năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh chị sống bên gia đình anh. Thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Anh và chị S đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị S yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị S.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Trần H Phúc sinh ngày 09/3/2001 (đã thành niên) không yêu cầu giải quyết. Cháu Trần H Thịnh, sinh ngày 05/11/2009. Hiện nay đang sống chung với chị S. Khi ly hôn cháu Thịnh có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Ý kiến của cháu Trần H Thịnh**: Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị S và anh H do quen biết rồi đi đến hôn nhân nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nên không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Chị S và anh H thống nhất xác định anh chị có 02 người con chung tên Trần H Phúc sinh ngày 09/3/2001 (đã thành niên) không yêu cầu giải quyết. Cháu Trần H Thịnh, sinh ngày 05/11/2009. Hiện nay đang sống chung với chị S. Khi ly hôn cháu Thịnh có nguyện vọng sống với chị S, anh H cũng đồng ý giao cháu Thịnh cho chị S nuôi dưỡng. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Thịnh đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Chị S và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị S và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Chị S phải nộp án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Anh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Phan Ngọc S và anh Trần Thanh H là vợ chồng.

- *Về con chung*: Cháu Trần H Phúc sinh ngày 09/3/2001 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Trần H Thịnh sinh ngày 05/11/2009 cho chị Phan Ngọc S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Thanh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Cho đến khi cháu Trần H Thịnh đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả:* Chị Phan Ngọc S và anh Trần Thanh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí sơ thẩm:*

+ Buộc chị Phan Ngọc S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008364 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện V. Chị Phan Ngọc S đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Trần Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Quốc Cường